

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

*Công ty thành viên của JPA International*

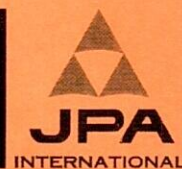
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	07 - 08
4. Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 37

---

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

#### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2023: 146.763.000.000 đồng

#### 2. Trụ sở hoạt động

##### Trụ sở chính

- Địa chỉ : 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84) 0269 3824760
- Fax : (84) 0269 3822487

**Đơn vị trực thuộc:** Công ty có 04 đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc)

- Chi nhánh Ia Bã Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Yok Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng Địa chỉ: Thôn Làng Khóp, xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

#### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

##### 4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Đình Trường	Chủ tịch	28/04/2023	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

**Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Thành viên	28/04/2023	
Ông Trịnh Quang Vinh	Thành viên	28/04/2023	
Ông Phùng Ngọc Kim	Thành viên	28/04/2023	
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên	28/04/2023	
Ông Trịnh Văn Công	Thành viên	11/04/2019	28/04/2023

**4.2. Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đông Hưng	Trưởng ban	28/04/2023	
Bà Lê Thị Vinh	Thành viên	28/04/2023	
Bà Bùi Thị Bích Hương	Thành viên	28/04/2023	
Bà Hoa Thị Lan Hương	Thành viên	20/05/2020	28/04/2023

**4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Tổng Giám đốc	28/04/2023	
Ông Nguyễn Công Tiến	Phó Tổng Giám đốc	05/01/2024	
Ông Phạm Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	28/04/2023	01/03/2024
Ông Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng	28/04/2023	

**5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trịnh Đình Trường	Chủ tịch Hội đồng quản trị	28/04/2023
Ông Trịnh Quang Hưng	Tổng Giám đốc	28/04/2023

**6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 37.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

### Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

#### 8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### 9. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG**

Chủ tịch

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2024



017  
ANH  
TINH  
ATU  
VII  
ANG  
TP.F

Số: 17/2024/BCKT/AUD-DNVVLUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại Mục I.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 13/09/2018. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh vốn Nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa (Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai) chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai (tại ngày 13/9/2018). Nên số liệu trên Báo cáo tài chính các năm trước có thể thay đổi khi có Quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan có thẩm quyền.
- Như trình bày tại thuyết minh V.4a – Phải thu ngắn hạn khác và V.17b – Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu, hiện nay các cổ đông đã góp vốn đủ. Tuy nhiên, tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 13/09/2018), Nhà nước đã thoái vốn vượt quá số vốn Nhà nước là 24.305.035.075 đồng. Khoản chênh lệch về thoái vốn trên được ghi nhận vào khoản phải thu và khoản phải thu này có thể thay đổi khi quyết toán chính thức việc chuyển giao vốn cho Công ty cổ phần.

3. Như trình bày tại mục VIII.1 – Nợ tiềm tàng, khoản tiền thuê đất và phạt chậm nộp theo Thông báo của Cơ quan Thuế, chưa được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động các năm trước của Công ty. Nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước tiền thuê đất này do 2 bên chưa thống nhất nghĩa vụ phải nộp và đang làm thủ tục để trao đổi lại, cụ thể:

- Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 7.774.706.081 đồng (tiền thuê đất) và 2.350.758.470 đồng (phạt chậm nộp).
- Giai đoạn Công ty cổ phần (năm 2019) là 395.826.472 đồng (tiền thuê đất) và 135.444.900 đồng (phạt chậm nộp).

Việc chưa điều chỉnh số liệu là do đang vướng thủ tục bàn giao giữa Doanh nghiệp Nhà nước và Công ty cổ phần và do chưa thống nhất diện tích tính tiền thuê đất. Số liệu này có thể ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán (nếu có) tùy thuộc vào quyết định phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Như trình bày tại Thuyết minh số V15.b về vay dài hạn, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định dùng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho Công ty để đảm bảo các khoản vay của Công ty CP Chè Biển Hồ (chung công ty đầu tư) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Việc đảm bảo các khoản vay của công ty là bên liên quan như trên là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5, Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2023 lỗ lũy kế là (86.975.525.571) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 12.182.028.731 đồng. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết việc kinh doanh có lãi trong tương lai và đảm bảo hỗ trợ, tài chính từ các cổ đông để Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



**Trần Xuân Thạnh - Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNĐKHN số: 1650-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

#### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

**Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN số: 2896-2024-071-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.404.896.008</b>	<b>41.766.359.859</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>676.605.283</b>	<b>166.964.709</b>
1. Tiền	111	V.1	676.605.283	166.964.709
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.702.812.324</b>	<b>39.533.045.889</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.960.214.300	14.668.316.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.042.637	103.347.637
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	25.309.282.127	25.332.315.490
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(568.726.740)	(570.933.538)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>178.001.955</b>	<b>307.817.287</b>
1. Hàng tồn kho	141		307.817.287	307.817.287
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(129.815.332)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.847.476.446</b>	<b>1.758.531.974</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.974.166	583.330
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.734.267.306	1.757.948.644
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	109.234.974	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>114.804.356.438</b>	<b>125.356.007.182</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>111.075.516.744</b>	<b>121.410.384.250</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	110.971.086.659	121.304.867.613
- Nguyên giá	222		398.125.985.508	398.667.757.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(287.154.898.849)	(277.362.889.715)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	104.430.085	105.516.637
- Nguyên giá	228		110.144.000	110.144.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.713.915)	(4.627.363)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.143.157.576</b>	<b>2.043.157.576</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2.143.157.576	2.043.157.576
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.585.682.118</b>	<b>1.902.465.356</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.585.682.118	1.902.465.356
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>150.209.252.446</b>	<b>167.122.367.041</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2	1	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>90.426.726.372</b>	<b>94.590.673.538</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>47.586.924.739</b>	<b>67.713.332.633</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	83.024.350	441.819.805
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	27.481.945	2.703.877.970
4. Phải trả người lao động	314	V.12	481.323.008	1.011.675.120
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	25.514.431.399	18.105.859.191
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	5.301.064.637	5.444.845.647
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	16.179.599.400	40.005.254.900
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.839.801.633</b>	<b>26.877.340.905</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	581.613.633	671.340.905
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	42.258.188.000	26.206.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.782.526.074</b>	<b>72.531.693.503</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>59.787.474.429</b>	<b>72.229.351.028</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(86.975.525.571)	(74.533.648.972)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(74.533.648.972)	(49.696.811.514)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.441.876.599)	(24.836.837.458)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(4.948.355)</b>	<b>302.342.475</b>
1. Nguồn kinh phí	431		(4.948.355)	302.342.475
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>150.209.252.446</b>	<b>167.122.367.041</b>

Người lập biểu



LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN QUÂN

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch hội đồng quản trị



TRINH DINH TRƯỜNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Báo cáo kết quả kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	11.331.056.127	13.843.485.782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.331.056.127	13.843.485.782
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.530.565.425	18.795.125.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(199.509.298)	(4.951.639.326)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	52.014.360	4.518.245
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.461.910.902	7.069.310.972
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.461.910.902	7.069.310.972
8. Chi phí bán hàng	25		20.808.000	6.842.120
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.892.052.787	5.197.210.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.522.266.627)	(17.220.484.861)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	442.576.300	332.895.630
12. Chi phí khác	32	VI.7	362.186.272	7.840.188.677
13. Lợi nhuận khác	40		80.390.028	(7.507.293.047)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.441.876.599)	(24.727.777.908)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	-	109.059.550
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.441.876.599)	(24.836.837.458)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(848)	(1.692)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(848)	(1.692)

Người lập biểu

LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN QUÂN

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch hội đồng quản trị



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.951.787.001	20.343.633.012
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.056.234.790)	(19.805.047.726)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.672.031.235)	(3.703.590.105)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(53.338.694)	(12.913.333)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.11	(109.059.550)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.121.468.154	6.925.279.196
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.951.486.056)	(29.250.809.306)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.231.104.830</b>	<b>(25.503.448.262)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	454.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	51.998.899	4.509.228
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>51.998.899</b>	<b>459.054.682</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	8.682.876.300	37.643.600.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(16.456.343.800)	(12.936.305.800)
5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.773.467.500)</b>	<b>24.707.294.200</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>509.636.229</b>	<b>(337.099.380)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>166.964.709</b>	<b>504.054.888</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	4.345	9.201
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>676.605.283</b>	<b>166.964.709</b>

Người lập biểu



LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN QUÂN

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Chủ tịch hội đồng quản trị



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Từ ngày 13/09/2018, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa quyết toán và tiến hành bàn giao chính thức tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty cổ phần.

Ngoài ra, Công ty không còn đặc điểm hoạt động nào ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm nay.

**6. Cấu trúc Công ty**

*Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

- Chi nhánh Ia Bă                      Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai

017  
NH  
TNI  
À TU  
VII  
NG  
TP. P

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

---

- Chi nhánh Ia Yok Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng Địa chỉ: Thôn Làng Khóp, xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 28 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2023 là 32 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

---

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	8
Vườn cây lâu năm	20

#### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn và lâu dài. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

#### **8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **10. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **11. Phân phối lợi nhuận**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

##### ***Doanh thu bán cà phê nhân xô, chanh dây***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

#### **15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **17. Báo cáo theo bộ phận**

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023		01/01/2023
	VND		VND
- Tiền mặt tại quỹ	273.159.146		125.732.588
- Tiền gửi ngân hàng	403.446.137		41.232.121
+ VND	403.292.074		40.464.671
+ USD	6,39 # 154.063	32,79 #	767.450
<b>Cộng</b>	<b>676.605.283</b>		<b>166.964.709</b>

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>7.960.214.300</b>	<b>14.668.316.300</b>
- Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	7.960.214.300	14.668.316.300
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>7.960.214.300</b>	<b>14.668.316.300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.042.637	103.347.637
- Công ty TNHH MTV ĐTXD và Môi trường Việt Đô Gia Lai	-	100.000.000
- Các đối tượng khác	2.042.637	3.347.637
<b>Cộng</b>	<b>2.042.637</b>	<b>103.347.637</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	25.309.282.127	(568.726.740)	25.332.315.490	(570.933.538)
Phải thu Nhà nước về cổ phần hóa (a)	24.305.035.075	-	24.305.035.075	-
Phải thu khác	1.004.247.052	(568.726.740)	1.027.280.415	(570.933.538)
- Phải thu khác tại văn phòng	432.569.640	-	455.306.820	-
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Yok	34.211.757	(34.211.757)	34.211.757	(34.211.757)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Bă	220.000	(220.000)	3.466.855	(2.426.798)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Grăng	534.294.983	(534.294.983)	534.294.983	(534.294.983)
- Phải thu BHXH nộp thừa	2.950.672	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.309.282.127</b>	<b>(568.726.740)</b>	<b>25.332.315.490</b>	<b>(570.933.538)</b>

**(a) Chi tiết phải thu Nhà nước về cổ phần hóa**

	Số tiền
Giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm định giá (01/07/2017)	18.420.888.630
Giá trị vốn phát sinh sau thời điểm định giá đến thời điểm cổ phần (01/07/2017 - 12/09/2018)	104.037.076.295
- Lỗ lũy kế phát sinh từ sau thẩm định giá đến thời điểm cổ phần	(24.182.511.500)
- Giảm vốn do bàn giao TS cho NN, Công ty mua bán nợ	(5.460.705.717)
- Tăng vốn do Chênh lệch đánh giá lại tài sản	133.582.539.457
- Tăng vốn do công nợ phải trả không xác định được chủ nợ	97.122.678
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ	629.953
- Lãi tiền gửi phong tỏa	1.424
Vốn thực góp tại Công ty cổ phần	146.763.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.305.035.075</b>

Là khoản Nhà nước thoái vốn toàn bộ nhiều hơn số vốn Nhà nước hiện có đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 13/09/2018). Tuy nhiên, khoản phải thu này chưa được quyết toán và có thể thay đổi khi quyết toán chính thức.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	307.817.287	(129.815.332)	307.817.287	-
<b>Cộng</b>	<b>307.817.287</b>	<b>(129.815.332)</b>	<b>307.817.287</b>	<b>-</b>

- Trong đó, giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất tại ngày 31/12/2023 là 129.815.332 đồng. Toàn bộ giá trị này đã được Công ty trích lập dự phòng số tiền tương ứng.
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2023.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	105.605.543.136	11.598.256.555	13.550.556.076	190.000.000	267.723.401.561	398.667.757.328
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(541.771.820)	(541.771.820)
<b>Số cuối năm</b>	<b>105.605.543.136</b>	<b>11.598.256.555</b>	<b>13.550.556.076</b>	<b>190.000.000</b>	<b>267.181.629.741</b>	<b>398.125.985.508</b>
<i>Trong đó:</i>						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.578.148.211	1.140.900.000	-	-	-	8.719.048.211
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	70.256.959.293	8.686.232.885	5.184.005.408	143.839.007	193.091.853.122	277.362.889.715
Khấu hao trong năm	3.321.663.040	755.234.498	1.318.620.984	12.475.932	4.740.211.668	10.148.206.122
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(356.196.988)	(356.196.988)
<b>Số cuối năm</b>	<b>73.578.622.333</b>	<b>9.441.467.383</b>	<b>6.502.626.392</b>	<b>156.314.939</b>	<b>197.475.867.802</b>	<b>287.154.898.849</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	35.348.583.843	2.912.023.670	8.366.550.668	46.160.993	74.631.548.439	121.304.867.613
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.026.920.803</b>	<b>2.156.789.172</b>	<b>7.047.929.684</b>	<b>33.685.061</b>	<b>69.705.761.939</b>	<b>110.971.086.659</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình có trên các quyền sử dụng đất được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 8.951.452.351 đồng. (Xem Thuyết minh số V.15b)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Quyền sử dụng đất lâu dài	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	32.144.000	78.000.000	110.144.000
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.144.000</b>	<b>78.000.000</b>	<b>110.144.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	4.627.363	-	4.627.363
Khấu hao trong năm	1.086.552	-	1.086.552
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.713.915</b>	<b>-</b>	<b>5.713.915</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	27.516.637	78.000.000	105.516.637
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.430.085</b>	<b>78.000.000</b>	<b>104.430.085</b>

- **Quyền sử dụng đất có thời hạn:** Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 268,3 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tương ứng 32.144.000 đồng, thời hạn sử dụng đến tháng 4 năm 2047.

- **Quyền sử dụng đất lâu dài:** Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 130 m<sup>2</sup> đất ở tương ứng 78.000.000 đồng.

Hiện nay Công ty vẫn chưa có kế hoạch sử dụng các quyền sử dụng đất này.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.043.157.576</b>	<b>100.000.000</b>	-	<b>2.143.157.576</b>
+ Chi phí trồng thay thế hệ thống che bóng, chắn gió cho vườn cà phê bằng cây sấu riêng và cây bơ	1.543.025.367	-	-	1.543.025.367
+ Diện tích tái canh tại chi nhánh Ia Grăng	500.132.209	100.000.000	-	600.132.209
<b>Cộng</b>	<b>2.043.157.576</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.143.157.576</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.974.166	583.330
<b>Cộng</b>	<b><u>3.974.166</u></b>	<b><u>583.330</u></b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	583.330	-
Tăng trong năm	4.769.000	3.500.000
Phân bổ trong năm	(1.378.164)	(2.916.670)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>3.974.166</u></b>	<b><u>583.330</u></b>

**b. Dài hạn**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa	42.093.090	30.453.128
Lợi thế kinh doanh	1.543.589.028	1.872.012.228
<b>Cộng</b>	<b><u>1.585.682.118</u></b>	<b><u>1.902.465.356</u></b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	1.902.465.356	2.327.742.543
Tăng trong năm	30.291.708	30.645.458
Phân bổ trong năm	(347.074.946)	(455.922.645)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>1.585.682.118</u></b>	<b><u>1.902.465.356</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<b>83.024.350</b>	<b>441.819.805</b>
Công ty TNHH Vinh Hoàng	-	280.250.000
CN Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng	-	78.545.455
DNTN Cường Thành	83.024.350	83.024.350
<b>Cộng</b>	<b>83.024.350</b>	<b>441.819.805</b>

Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 83.024.350 đồng.

**11. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.862.168	-	109.059.550	105.197.382	-
Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công	-	7.116.225	65.625.626	76.779.443	4.037.592	-
Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	-	-	8.006.303	6.410.519	-	1.595.784
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.692.899.577	1.077.159.831	3.770.059.408	-	-
Các loại thuế khác	-	-	33.886.161	8.000.000	-	25.886.161
Phí và lệ phí	-	-	25.643.688	25.643.688	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.703.877.970</b>	<b>1.210.321.609</b>	<b>3.995.952.608</b>	<b>109.234.974</b>	<b>27.481.945</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại điểm 1 điều 8 VBHN số 26 ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

**Các loại thuế khác**

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(12.441.876.599)</b>	<b>(24.727.777.908)</b>
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	(6.383.117.782)	(25.659.078.005)
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	545.297.748
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	-	386.002.349
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	7.458.213.237	8.494.869.063
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.458.217.582	8.494.878.080
+ Chi phí khấu hao xe ô tô đối với phần nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng và khấu hao QSDĐ chưa sử dụng	1.124.172.539	1.130.660.001
+ Phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp	99.340.344	177.668.994
+ Thù lao HĐQT không chuyên trách	188.000.000	162.000.000
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/NĐ-CP	5.935.113.603	6.997.310.134
+ Chi phí không hợp lệ khác	111.591.096	27.238.951
- Các khoản điều chỉnh giảm	4.345	9.017
+ Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền	4.345	9.017
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(4.983.663.362)</b>	<b>(16.232.908.845)</b>
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh chính	(4.983.663.362)	(16.778.206.593)
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh BĐS	-	545.297.748
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh còn lại	-	386.002.349
Thu nhập được miễn thuế	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(4.983.663.362)</b>	<b>(16.232.908.845)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	109.059.550
- Chi phí thuế TNDN hoạt động kinh doanh BĐS	-	109.059.550
- Chi phí thuế TNDN hoạt động còn lại	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>109.059.550</b>

**12. Phải trả người lao động**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền lương phải trả	481.323.008	1.011.675.120
<b>Cộng</b>	<b>481.323.008</b>	<b>1.011.675.120</b>

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Chi phí lãi vay, lãi nhận tiền ứng trước phải trả	25.414.676.597	18.006.104.389
Trong đó, lãi phải trả Công ty Cổ phần Cà phê Biển Hồ	20.073.210.933	14.286.325.233
Chi phí xăng xe, điện thoại (*)	19.754.802	19.754.802
Chi phí kiểm toán, tư vấn	80.000.000	80.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.514.431.399</b>	<b>18.105.859.191</b>

(\*) Là chi phí xăng xe, điện thoại phải trả cho Ban Giám đốc, kế toán trưởng và kiểm soát viên làm nhiệm vụ bàn giao sang Công ty cổ phần chưa được phê duyệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023	01/01/2023
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<b>5.301.064.637</b>	<b>5.444.845.647</b>
Phải trả về chế độ dôi dư	2.109.027.000	2.109.027.000
Phải trả Nhà nước khác	319.216.980	319.216.980
Tạm nhập cà phê ký gửi	-	105.320.500
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý các kỳ trước, kỳ này thu lại được (*)	2.002.056.562	2.002.056.562
Các khoản phải trả khác	870.764.095	909.224.605
- Phải trả khác tại văn phòng 1 (**)	637.414.991	627.875.501
- Phải trả người dân tiền đo đạc, cắm mốc	233.349.104	233.349.104
- Thù lao HDQT và BKS	-	48.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.301.064.637</b>	<b>5.444.845.647</b>

(\*) Công nợ phải thu tại Ia Phìn đã xử lý giảm vốn Nhà nước của giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước đến nay đã thu hồi được. Số tiền này sẽ được chuyển trả lại cho Nhà nước khi hoàn tất thủ tục bàn giao và thống nhất số liệu giữa các bên.

(\*\*) Trong đó có 566.880.000 đồng là khoản bồi thường tại xã Ia Bắ Công ty được nhận nhưng do vướng về thủ tục phải chi trả lại cho người nhận khoản số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ khoán nên Công ty chưa kết chuyển tăng Thu nhập khác của giai đoạn Công ty Nhà nước. Khoản thu nhập này sau khi hoàn tất thủ tục phải chuyển trả về cho Nhà nước.

**15. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>16.179.599.400</b>	<b>16.179.599.400</b>	<b>40.005.254.900</b>	<b>40.005.254.900</b>
Vay ngắn hạn của cá nhân	16.179.599.400	16.179.599.400	23.953.066.900	23.953.066.900
- Trịnh Quang Hưng	11.059.750.000	11.059.750.000	16.733.406.200	16.733.406.200
- Trịnh Đình Trường	3.614.849.400	3.614.849.400	5.714.660.700	5.714.660.700
- Lê Thị Vinh	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
- Phạm Văn Cường	305.000.000	305.000.000	305.000.000	305.000.000
Vay ngắn hạn Công ty CP Chè Biên Hồ	-	-	16.052.188.000	16.052.188.000
<b>Vay ngắn hạn các đối tượng khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>16.179.599.400</b>	<b>16.179.599.400</b>	<b>40.005.254.900</b>	<b>40.005.254.900</b>

- Vay ngắn hạn cá nhân khác theo các hợp đồng vay có thời hạn 12 tháng. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay là 12,5%/năm và không có tài sản thế chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn là các bên liên quan	42.258.188.000	42.258.188.000	26.206.000.000	26.206.000.000
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ	42.258.188.000	42.258.188.000	26.206.000.000	26.206.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.258.188.000</b>	<b>42.258.188.000</b>	<b>26.206.000.000</b>	<b>26.206.000.000</b>

- Vay dài hạn Công ty CP Chè Biển Hồ theo các hợp đồng vay gồm:

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2019-FGL/BHG ngày 25/03/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 12.500.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2018-FGL/BHG ngày 11/10/2018 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 20.206.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2023-BHG/FGL ngày 01/07/2023 về việc chuyển các khoản vay ngắn hạn thành khoản vay dài hạn số tiền: 15.752.188.000 đồng với thời gian vay là 5 năm, lãi suất vay 12,5%/năm.

+ Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2023-BHG/FGL ngày 30/07/2023 về việc chuyển các khoản vay ngắn hạn thành khoản vay dài hạn số tiền: 300.000.000 đồng với thời gian vay là 2 năm, lãi suất vay 7%/năm.

(b1) Tất cả các khoản vay của Công ty CP Chè Biển Hồ đều không có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã có biên bản họp số 07/BB.HDQT ngày 22/12/2022 về việc thống nhất thực hiện giao dịch với bên liên quan. Theo đó, Công ty sẽ sử dụng các tài sản hiện có là các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay nợ của Công ty CP Chè Biển Hồ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Chi tiết các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được dùng để bảo đảm các khoản vay như sau:

TT	Tài sản	Địa chỉ	Mục đích
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517854	Tổ dân phố 2, Phường Thống Nhất, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Đất thương mại dịch vụ
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517909	Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517851	Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517834	Xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517905	Xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517906	Xã Ia Grăng, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517901	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517902	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517817	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

**16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<b>Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan</b>	<b>175.000.000</b>	<b>202.272.727</b>
- Công ty CP Năng Lượng Nghĩa Hưng	175.000.000	202.272.727
<b>Doanh thu chưa thực hiện khác</b>	<b>406.613.633</b>	<b>469.068.178</b>
- Công ty CP Novus Imperium Gia Lai 1	175.000.000	202.272.727
- Công ty TNHH Na Sơn Gia Lai	113.113.633	130.295.451
- Công ty CP Solcano	118.500.000	136.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>581.613.633</u></b>	<b><u>671.340.905</u></b>

**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>146.763.000.000</b>	<b>(49.696.811.514)</b>	<b>146.763.000.000</b>
Lợi nhuận trong năm	-	(24.836.837.458)	(24.836.837.458)
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b><u>146.763.000.000</u></b>	<b><u>(74.533.648.972)</u></b>	<b><u>72.229.351.028</u></b>
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>146.763.000.000</b>	<b>(74.533.648.972)</b>	<b>72.229.351.028</b>
Lợi nhuận trong năm	-	(12.441.876.599)	(12.441.876.599)
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b><u>146.763.000.000</u></b>	<b><u>(86.975.525.571)</u></b>	<b><u>59.787.474.429</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
- Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
- Cổ đông khác	100,00%	146.763.000.000	100,00%	146.763.000.000
+ Công ty CP Dầu tư Legend Highland	24,19%	35.500.000.000	24,19%	35.500.000.000
+ Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	23,85%	35.000.000.000	23,85%	35.000.000.000
+ Ông Trịnh Quang Hưng	19,44%	28.528.020.000	19,44%	28.528.020.000
+ Ông Trịnh Quang Vinh	10,48%	15.383.810.000	10,48%	15.383.810.000
+ Các cổ đông khác	22,04%	32.351.170.000	22,04%	32.351.170.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>146.763.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>146.763.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	146.763.000.000	146.763.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.676.300	14.676.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(74.533.648.972)	(49.696.811.514)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	(12.441.876.599)	(24.836.837.458)
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>(86.975.525.571)</b>	<b>(74.533.648.972)</b>

**18. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ**

Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
- USD	6,39	32,79

**b. Nợ khó đòi đã xử lý (Giai đoạn nhà nước)**

Tên đối tượng	31/12/2023	01/01/2023
Tại Chi nhánh Ia Phìn	4.768.282.422	4.768.282.422
Tại Chi nhánh Ta Bă	483.744.506	483.744.506
Các đối tượng khác	85.437.208	85.437.208
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.337.464.136</b>	<b>5.337.464.136</b>

Công nợ khó đòi đã xử lý tại Chi nhánh Ia Phìn đến nay đã thu hồi được là 2.002.056.562 đồng. Số tiền này sẽ được chuyển trả lại cho Nhà nước khi hoàn tất thủ tục bàn giao và thống nhất số liệu giữa các bên (Xem Thuyết minh V.14).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>5.427.272.727</b>	<b>6.557.439.271</b>
Doanh thu cà phê xuất bán	5.400.000.000	6.524.712.000
Doanh thu khác	27.272.727	32.727.271
<b>Doanh thu với các đối tượng khác</b>	<b>5.903.783.400</b>	<b>7.286.046.511</b>
Doanh thu chuyển nhượng QSD đất	-	1.850.193.819
Doanh thu cà phê xuất bán	5.819.513.100	5.373.336.700
Doanh thu khác	84.270.300	62.515.992
<b>Cộng</b>	<b>11.331.056.127</b>	<b>13.843.485.782</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn chuyển nhượng QSD đất	-	1.304.896.071
Giá vốn cà phê xuất bán	11.364.068.093	17.453.547.037
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	129.815.332	-
Giá vốn khác	36.682.000	36.682.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.530.565.425</u></b>	<b><u>18.795.125.108</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	166.020	143.065
Lãi do người dân nộp khoán sản lượng chậm	51.832.879	4.362.629
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	11.116	3.534
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ của tiền	4.345	9.017
<b>Cộng</b>	<b><u>52.014.360</u></b>	<b><u>4.518.245</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.461.910.902	7.069.310.972
<b>Cộng</b>	<b><u>7.461.910.902</u></b>	<b><u>7.069.310.972</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.808.000	6.842.120
<b>Cộng</b>	<b><u>20.808.000</u></b>	<b><u>6.842.120</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.322.878.933	2.568.607.714
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	460.296.525	502.477.467
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.523.122.020	1.566.358.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.298.649	213.822.653
Dự phòng/hoàn nhập nợ phải thu khó đòi	(2.206.798)	(3.462.900)
Chi phí khác bằng tiền	351.663.458	349.406.969
<b>Cộng</b>	<b><u>4.892.052.787</u></b>	<b><u>5.197.210.688</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	226.831.830
Thu nợ sản phẩm thiếu khoản các vụ trước	442.576.300	106.063.800
<b>Cộng</b>	<b><u>442.576.300</u></b>	<b><u>332.895.630</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại vườn cây bị phá dỡ	185.574.832	168.417.867
Xử lý chuỗi sản xuất bị mưa bão, hư hỏng, không bán được	-	7.466.862.865
Phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp	99.340.344	177.668.994
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	77.271.096	27.238.951
<b>Cộng</b>	<b><u>362.186.272</u></b>	<b><u>7.840.188.677</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.441.876.599)	(24.836.837.458)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(12.441.876.599)	(24.836.837.458)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	14.676.300	14.676.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b><u>(848)</u></b>	<b><u>(1.692)</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.676.300	14.676.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>14.676.300</u></b>	<b><u>14.676.300</u></b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.441.876.599)	(24.836.837.458)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(12.441.876.599)	(24.836.837.458)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.676.300	14.676.300
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b><u>(848)</u></b>	<b><u>(1.692)</u></b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	463.273.845	524.662.217
Chi phí nhân công	3.638.271.173	3.849.817.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.149.292.674	10.380.655.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539.862.657	1.485.108.220
Chi phí khác bằng tiền	1.504.309.329	2.570.402.108
<b>Cộng</b>	<b><u>16.295.009.678</u></b>	<b><u>18.810.645.501</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VND)****1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	8.682.876.300	37.643.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.682.876.300</u></b>	<b><u>37.643.600.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	(16.456.343.800)	(12.936.305.800)
<b>Cộng</b>	<b>(16.456.343.800)</b>	<b>(12.936.305.800)</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Nợ tiềm tàng

Theo biên bản làm việc với Cục Thuế tỉnh Gia Lai ngày 07/04/2022 về việc giải quyết tiền thuê đất và tiền chậm nộp từ các năm. Theo đó, tổng tiền thuê đất và phạt chậm nộp của các năm trước như sau:

	Tiền thuê đất	Tiền chậm nộp	Cộng
Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước	7.774.706.081	2.350.758.470	10.125.464.551
Giai đoạn Công ty cổ phần	395.826.472	135.444.900	531.271.372
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.170.532.553</b>	<b>2.486.203.370</b>	<b>10.656.735.923</b>

Nguyên nhân khoản tiền này chưa được phản ánh vào BCTC các năm trước như sau:

- Giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước: là khoản tiền thuê đất phát sinh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, không nằm trong phương án cổ phần hóa, không nằm trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và đang còn vướng thủ tục bàn giao giữa Doanh nghiệp Nhà nước và Công ty cổ phần nên chưa phản ánh vào Báo cáo KQKD trong kỳ tương ứng.
- Giai đoạn Công ty cổ phần: Khoản chênh lệch là do Chi cục Thuế tính tiền thuê đất trên cả phần diện tích đất mà Công ty cổ phần đã bàn giao về cho địa phương quản lý. Vấn đề này công ty đã làm văn bản công văn số 05/CV-FGL ngày 08/02/2023 gửi UBND tỉnh và các ban/ngành liên quan của tỉnh đề thống nhất số liệu chính thức. Tuy nhiên, đến nay vấn đề này vẫn chưa được xử lý.

#### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2023			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Đình Trường	Chủ tịch HĐQT		60.000.000	-	60.000.000
2	Trịnh Quang Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	367.920.000	36.000.000	-	403.920.000
3	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT		36.000.000	-	36.000.000
4	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc	216.000.000	36.000.000	-	252.000.000
5	Trịnh Văn Công	Nguyên thành viên HĐQT	19.500.000	12.000.000	-	31.500.000
6	Phùng Ngọc Kim	Thành viên HĐQT		24.000.000	-	24.000.000
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát		36.000.000	-	36.000.000
8	Lê Thị Vinh	Thành viên BKS		24.000.000	-	24.000.000
9	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên BKS	88.000.000	16.000.000	-	104.000.000
10	Hoa Thị Lan Hương	Nguyên thành viên BKS		8.000.000	-	8.000.000
11	Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng	168.000.000		-	168.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>859.420.000</b>	<b>288.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.147.420.000</b>

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2022			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Đình Trường	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
2	Trịnh Quang Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	338.328.000	36.000.000	-	374.328.000
3	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
4	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc	199.032.000	36.000.000	-	235.032.000
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	71.400.000	36.000.000	-	107.400.000
6	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	36.000.000	-	36.000.000
7	Lê Thị Vinh	Thành viên BKS	-	24.000.000	-	24.000.000
8	Hoa Thị Lan Hương	Thành viên BKS	74.350.000	24.000.000	-	98.350.000
9	Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng	154.296.000	-	-	154.296.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>837.406.000</b>	<b>288.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.125.406.000</b>

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng  
 Công ty CP Chè Biên Hồ  
 Trịnh Đình Trường  
 Trịnh Quang Hưng  
 Phạm Văn Cường  
 Lê Thị Vinh

**Mối quan hệ**

Công ty đầu tư  
 Cùng công ty đầu tư  
 Chủ tịch HĐQT  
 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
 Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc  
 Thành viên BKS

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Doanh thu với các bên liên quan khác:*

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty CP Chè Biển Hồ</b>	<b>5.400.000.000</b>	<b>6.530.166.544</b>
Doanh thu cà phê xuất bán	5.400.000.000	6.524.712.000
Doanh thu khác	-	5.454.544
<b>Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng</b>	<b>27.272.727</b>	<b>27.272.727</b>
Doanh thu khác	27.272.727	27.272.727
	<b>5.427.272.727</b>	<b>6.557.439.271</b>

*Giao dịch khác với các bên liên quan khác:*

	Năm nay	Năm trước
<b>Trịnh Đình Trường</b>		
- Cho vay	3.326.532.500	4.237.600.000
- Trả nợ vay	5.426.343.800	4.105.250.000
<b>Trịnh Quang Hưng</b>		
- Cho vay	1.106.343.800	-
- Trả nợ vay	6.780.000.000	1.106.343.800

*Số dư với các bên liên quan khác:*

	31/12/2023	01/01/2023
<b>Công ty CP Chè Biển Hồ</b>		
Vay ngắn hạn, dài hạn	42.258.188.000	42.258.188.000
Lãi tiền vay, tiền nhận ứng trước phải trả	20.073.210.933	14.286.325.233
<b>Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng</b>		
Phải thu khách hàng	7.960.214.300	14.668.316.300
<b>Trịnh Đình Trường</b>		
Vay ngắn hạn	3.614.849.400	5.714.660.700
Lãi tiền vay	700.000.000	338.107.013
<b>Trịnh Quang Hưng</b>		
Vay ngắn hạn	11.059.750.000	16.733.406.200
Lãi tiền vay	4.208.201.414	3.067.428.393
<b>Phạm Văn Cường</b>		
Vay ngắn hạn	305.000.000	305.000.000
Lãi tiền vay	48.154.250	24.033.750
<b>Lê Thị Vinh</b>		
Vay ngắn hạn	1.200.000.000	1.200.000.000
Lãi tiền vay	385.110.000	290.210.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***3. Báo cáo bộ phận***- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

	Cà phê	Hoạt động bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.219.513.100	-	111.543.027	11.331.056.127
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.219.513.100	-	111.543.027	11.331.056.127
Giá vốn bộ phận	11.493.883.425	-	36.682.000	11.530.565.425
Lợi nhuận gộp bộ phận	(274.370.325)	-	74.861.027	(199.509.298)
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.898.048.700	1.850.193.819	95.243.263	13.843.485.782
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.898.048.700	1.850.193.819	95.243.263	13.843.485.782
Giá vốn bộ phận	17.453.547.037	1.304.896.071	36.682.000	18.795.125.108
Lợi nhuận gộp bộ phận	(5.555.498.337)	545.297.748	58.561.263	(4.951.639.326)

*- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam.

**4. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

**5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31/12/2023, lỗ lũy kế là (86.975.525.571) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 12.182.028.731 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Báo cáo tài chính này không bao gồm bất kỳ một sự điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại lại giá trị tài sản đã ghi nhận hoặc liên quan đến giá trị hoặc phân loại lại các khoản nợ phải trả, được coi là cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

---

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2024



**LÊ BÁ HIẾU**  
Người lập biểu



**NGUYỄN VĂN QUÂN**  
Kế toán trưởng



**TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG**  
Chủ tịch hội đồng quản trị



